

THÔNG BÁO
Về việc thu học phí năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-DHSPKT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo đại học năm học 2023-2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2392/QĐ-DHSPKT ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo đại học hệ chất lượng cao năm học 2023-2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh thông báo về **mức học phí tạm thu năm học 2023-2024** đối với sinh viên hệ chính quy chương trình đào tạo đại trà và chương trình đào tạo chất lượng cao như sau:

I. MỨC THU HỌC PHÍ

1. HỆ CHÍNH QUY BẬC ĐẠI HỌC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ

1.1. Khoá từ 2022 trở về trước: Thu theo tín chỉ

Nhóm ngành (*)	Chương trình đào tạo	Học phí (đồng)		
		Học kỳ	Tín chỉ	
1	125 TC	11.750.000	752.000	- Học phí học lại, học cải thiện, học kéo dài, học ngoài chương trình, học Chương trình thứ 2: Thu theo mức học phí học lần đầu - Các lớp học trực tuyến UTEX-MOOC trong và ngoài trường giảm 10%; các trường hợp quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ giảm 50% học phí.
2	132 TC	11.750.000	712.000	
3	150 TC	13.000.000	693.000	
4	155 TC	14.250.000	827.000	

1.2. Khoá 2023 (K23): Thu theo niên chế

Nhóm ngành (*)	Chương trình đào tạo	Học phí (đồng)		- Học phí học lại, học cải thiện, học kéo dài, học thêm ngoài chương trình, học Chương trình thứ 2 : Thu theo mức học phí học lần đầu - Không thu học lần đầu các học phần ngoài chương trình chính (GDTC và ANQP). - Không giảm các lớp học trực tuyến UTEx-MOOC trong và ngoài trường; Các trường hợp quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ.
		Học kỳ	Tín chỉ	
1	125 TC	13.000.000	832.000	
2	132 TC	13.000.000	788.000	
3	150 TC	14.500.000	773.000	
4	155 TC	16.250.000	944.000	

Lưu ý:

- (*): Danh sách các ngành thuộc Nhóm ngành xem phụ lục đính kèm;

2. HỆ CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

2.1. Các Khoá 2022 trở trước : Thu theo tín chỉ

Đơn vị: Đồng

Niên khoá	Chương trình đào tạo	Khối ngành công nghệ kỹ thuật – sản xuất chế biến – CTĐT 150 TC (**)		Khối ngành khoa học xã hội – quản lý kinh doanh CTĐT 140 TC (***)		Ghi chú
		Mức HP/ Học kỳ	Đồng/tín chỉ	Mức HP/ Học kỳ	Đồng/tín chỉ	
Từ Khóa 2020 trở về trước	Tiếng Việt	15.000.000	800.000	14.000.000	800.000	Học phí cam kết không thay đổi trong thời gian đào tạo chính khoá.
	Tiếng Anh	16.000.000	853.000	15.500.000	886.000	
	Việt – Nhật	16.000.000	805.000	-	-	
Khóa 2021	Tiếng Việt	15.500.000	826.000	14.500.000	828.000	
	Tiếng Anh	16.500.000	880.000	16.000.000	914.000	
	Việt – Nhật	16.500.000	830.000	-	-	
Khóa 2022	Tiếng Việt	16.000.000	853.000	15.000.000	857.000	
	Tiếng Anh	17.500.000	933.000	17.000.000	971.000	
	Việt – Nhật	17.000.000	855.000	-	-	

- Các lớp học trực tuyến UTEx-MOOC trong và ngoài trường giảm 10%; các trường hợp quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ giảm 50% học phí.

2.2. Khoá 2023 : Thu theo niên chế

Đơn vị: Đồng

Chương trình đào tạo	Khối ngành công nghệ kỹ thuật – sản xuất chế biến – CTĐT 150 TC (**)		Khối ngành khoa học xã hội – quản lý kinh doanh – CTĐT 140 TC (***)		Ghi chú
	Đơn giá/ Học kỳ	Đơn giá/ tín chỉ	Đơn giá/ Học kỳ	Đơn giá/ tín chỉ	
Tiếng Việt	23.200.000	1.237.000	20.800.000	1.189.000	Không cam kết học phí.
Tiếng Anh	26.100.000	1.392.000	23.400.000	1.337.000	
Việt – Nhật	23.200.000	1.167.000	-	-	

Lưu ý:

- (**), (***) : Danh sách nhóm ngành xem phụ lục đính kèm;
- Các ngành **chất lượng cao Việt – Nhật** áp dụng chương trình đào tạo **159 tín chỉ**;
- Học phí học lại, học cải thiện, học kéo dài, học thêm ngoài chương trình, học Chương trình thứ 2 : Học phí thu theo mức học phí học lần đầu.
- **Khoá 2023**: Không thu học lần đầu các học phần ngoài chương trình chính (GDTC và ANQP). Các lớp học trực tuyến UTEX-MOOC trong và ngoài trường; các trường hợp quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ : không miễn/giảm học phí.

3. QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU ĐỐI VỚI ĐĂNG KÝ MỞ LỚP

Sinh viên đăng ký mở lớp phải đảm bảo số lượng **tối thiểu** như sau:

- Hệ đại học chính quy chương trình đào tạo đại trà: 30 sv/lớp
- Hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao: 20 sv/lớp

Trường hợp số lượng sinh viên đăng ký không đủ số tối thiểu trên, Nhà trường chỉ tổ chức lớp học khi các sinh viên đăng ký nộp đủ học phí bằng số tối thiểu của 01 lớp như trên. Đối với những lớp này, sinh viên làm đơn cam kết đảm bảo học phí theo số tối thiểu gửi Phòng Đào tạo để đăng ký mở lớp.

II. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

- Đối với sinh viên học ngành sư phạm **tự nguyện và cam kết phục vụ sư phạm sau khi ra trường**: sau khi có quyết định sẽ được hoàn trả học phí.
- Các Trường hợp miễn/giảm thuộc đối tượng Chính sách theo quy định hiện hành được thực hiện sau khi sinh viên hoàn chỉnh hồ sơ theo hướng dẫn của Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên và có Quyết định của Trường.
- Các trường hợp miễn/giảm học phí thuộc các đối tượng chỉ được miễn/giảm học phí học lần đầu.

III. PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI GIAN THU HỌC PHÍ

1. PHƯƠNG THỨC THU

Sinh viên xem hướng dẫn đóng học phí tại website <http://fpo.hcmute.edu.vn/>. Chọn THANH TOÁN ONLINE → HƯỚNG DẪN THANH TOÁN HỌC PHÍ → HỌC PHÍ HỌC KỲ.

Thanh toán học phí tại Cổng thanh toán <https://e-bills.vn/pay/hcmute>.

Trong vòng 01 tuần sau khi hoàn tất việc đóng học phí, số tiền đã đóng sẽ được cập nhật trên trang <https://online.hcmute.edu.vn/>.

Trong tuần thứ 2 sau khi đóng học phí, nếu có sai sót, thắc mắc về học phí, sinh viên liên hệ trực tiếp phòng Kế hoạch Tài chính hoặc gửi mail về phòng Kế hoạch Tài chính: phong.khct@hcmute.edu.vn và đính kèm minh chứng để được giải quyết. Quá thời hạn trên, nếu có sai sót về học phí, sinh viên sẽ không được đăng ký môn học đúng hạn ở đợt sau.

Sau khi phòng Kế hoạch Tài chính kiểm tra, đối chiếu khớp số liệu sẽ xuất hóa đơn điện tử gửi vào email sinh viên (*theo địa chỉ email sinh viên do Nhà trường cung cấp*); Sinh viên có thể kiểm tra hóa đơn, tải và in hóa đơn trên trang web <https://online.hcmute.edu.vn/>.

2. THỜI GIAN THU

Học phí hệ đại học chính quy mỗi học kỳ được thu làm 02 đợt như sau:

Học kỳ	Đợt 1	Đợt 2
Học kỳ I	Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 05/11/2023	Từ ngày 15/11/2023 đến ngày 05/12/2023
Học kỳ II	Từ ngày 25/01/2024 đến ngày 15/4/2024	Từ ngày 20/4/2024 đến ngày 25/5/2024
Học kỳ III	Từ ngày 17/6/2024 đến ngày 19/7/2024	

Lưu ý:

– Đợt 1:

+ Hệ đại học chính quy chương trình đào tạo đại trà: thu tối thiểu **15.000.000đ**. Trường hợp tổng số học phí phải đóng trong học kỳ thấp hơn **15.000.000đ** thì đóng đủ học phí trong đợt 1.

+ Hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao:

- Đối với các khoá 2022 trở về trước: thu tối thiểu **15.500.000đ**. Trường hợp học phí phải đóng trong học kỳ thấp hơn **15.500.000đ** thì đóng đủ học phí trong đợt 1.
- Đối với khoá 2023: thu tối thiểu **25.000.000đ**. Trường hợp học phí phải đóng trong học kỳ thấp hơn **25.000.000đ** thì đóng đủ học phí trong đợt 1.

– Đợt 2: Là khoản học phí còn lại của sinh viên.

3. GIA HẠN THỜI GIAN NỘP HỌC PHÍ

Đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (có giấy xác nhận của địa phương) muốn gia hạn thời gian nộp học phí, sinh viên phải làm đơn theo mẫu của Phòng Kế hoạch Tài chính. Đơn xin gia hạn nộp tại phòng Kế hoạch Tài chính trước thời hạn cuối nộp học phí ít nhất 05 ngày cho mỗi đợt thu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. NGHĨA VỤ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐÓNG HỌC PHÍ

Sinh viên thuộc mọi đối tượng nói trên phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng học phí đúng thời hạn theo quy định này. Sinh viên không đóng học phí đúng thời hạn quy định sẽ bị xử lý theo Quy chế công tác Học sinh, sinh viên.

Trước thời gian đăng ký môn học, sinh viên còn nợ học phí của các học kỳ trước sẽ không được phép đăng ký môn học của học kỳ tiếp theo.

2. TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

2.1. **Phòng Kế hoạch Tài chính:** Có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thu và thông báo các phương án thu học phí của sinh viên trong toàn trường.

2.2. **Phòng Đào tạo:** Chịu trách nhiệm trong việc đề xuất Ban Giám hiệu mở lớp không đủ sinh viên theo quy định, chuyển danh sách ngay sau khi đăng ký môn học cho Phòng Kế hoạch Tài chính.

2.3. **Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên:** Xử lý các trường hợp chậm nộp học phí theo quy chế.

2.4. **Phòng Đào tạo, Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trung tâm Dạy học số:**

Có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính tổ chức thu học phí theo đúng thời hạn và các quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh để Nhà trường kịp thời điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Nhà nước thay đổi chính sách học phí, Nhà trường sẽ nghiêm túc thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Thông tin đến Sinh viên;
- BGH (để biết);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Lưu VT, P.KHTC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Hiếu Giang



PHỤ LỤC
ĐANH SÁCH NHÓM NGÀNH/NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông báo số 252/TB-ĐHSPKT ngày 19/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM)

Nhóm 1: Nhóm ngành Khoa học xã hội – Quản lý kinh doanh (CTĐT 125TC & 140TC)

STT	Lĩnh Vực/Ngành	Mã ngành	Số tín chỉ (*)	Thời gian đào tạo	CTĐT Chất lượng cao		
1	Kinh doanh quốc tế	7340120	125	04 năm			
2	Thương mại điện tử	7340122	125/140	04 năm	T.Việt		
3	Kế toán	7340301	125/140	04 năm	T.Việt		
4	Luật	7380101	125	04 năm			
5	Quản lý công nghiệp	7510601	125/140	04 năm	T.Việt	T.Anh	
6	Logistic & quản lý chuỗi cung ứng	7510605	125	04 năm			
7	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống	7510605	125	04 năm			

(*): Chương trình đào tạo 125TC đối với chương trình đại trà và 140TC đối với chương trình Chất lượng cao.

Nhóm 2: Nhóm ngành Khoa học xã hội – Quản lý kinh doanh (CTĐT 132TC & 140TC)

STT	Lĩnh Vực/Ngành	Mã ngành	Số tín chỉ (**)	Thời gian đào tạo	CTĐT Chất lượng cao		
1	Sư phạm tiếng Anh	7140231	132	04 năm			
2	Thiết kế đồ họa	7210403	132	04 năm			
3	Thiết kế thời trang	7210404	132/140	04 năm	T.Việt		
4	Ngôn ngữ Anh	7220201	132	04 năm			
5	Sư phạm Công nghệ	7140246	132	04 năm			

(**): Chương trình đào tạo 132TC đối với chương trình đại trà và 140TC đối với chương trình Chất lượng cao

Nhóm 3: Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật – Sản xuất chế biến

STT	Lĩnh Vực/Ngành	Mã ngành	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo	CTĐT Chất lượng cao		
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
2	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	7510106	150	04 năm			
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
4	Công nghệ chế tạo máy	7510202	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	Việt-Nhật
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
8	Năng lượng tái tạo	7510208	150	04 năm			

9	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209	150	04 năm			
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
11	Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông	7510302	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	Việt-Nhật
12	CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
13	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	150	04 năm	T.Việt		
14	Công nghệ vật liệu	7510402	150	04 năm			
15	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	150	04 năm			
16	Công nghệ kỹ thuật in	7510801	150	04 năm	T.Việt		
17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
18	Hệ thống nhúng và IoT	7480118	150	04 năm			
19	Công nghệ thông tin	7480201	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
20	An toàn thông tin	7480202	150	04 năm			
21	Kỹ thuật dữ liệu	7480203	150	04 năm			
22	Kỹ thuật công nghiệp	7520117	150	04 năm			
23	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh)	7520212	150	04 năm			
24	Công nghệ thực phẩm	7540101	150	04 năm	T.Việt	T.Anh	
25	Công nghệ may	7540209	150	04 năm	T.Việt		
26	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002	150	04 năm			
27	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	150	04 năm			
28	Quản lý xây dựng	7580302	150	04 năm			
29	Quản lý và vận hành hạ tầng	7840110	150	04 năm			

Nhóm 4: Nhóm ngành Kiến trúc và quy hoạch

STT	Lĩnh Vực/Ngành	Mã ngành	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo
1	Kiến trúc	7580101	155	4,5 năm
2	Kiến trúc nội thất	7580103	155	4,5 năm